

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 12.9.2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Chánh Ngôn.
2. Ông Hoàng Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Việt Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trần Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện J, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, 02 vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày, áp lực về chuyện kinh tế gia đình. Hiện nay cả hai vẫn đang chung sống với nhau nhưng đã ly thân từ đầu năm 2023, mạnh ai nấy sống,

không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy hai bên đã không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo Quỳnh N1, sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Bảo Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2014. Sau ly hôn bà yêu cầu tiếp tục giao 02 con chung cho bà Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông tự nguyện cấp dưỡng cho 02 người con chung Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T là 2.500.000 đồng/tháng/01 cháu, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn L vì vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung chứ không ly thân như ông L trình bày, bà vẫn còn yêu thương chồng con.

Về con chung: bà và ông L có 02 người con chung là Nguyễn Bảo Quỳnh N1, sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Bảo Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà và ông L, bà đề nghị được nuôi dưỡng 02 người con chung Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T. Ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T là 2.500.000 đồng/tháng/01 cháu, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành theo các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi nhận Quyết định chuyển vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Tòa án nhân dân thành phố I, tỉnh Bình Thuận, xác định nguyên đơn ông Nguyễn Văn L nộp đơn xin ly hôn với bà Trần Thị N (cư trú tại: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 8 năm 2023, bị đơn bà Trần Thị N đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về yêu cầu ly hôn: Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án xác định được ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện J, tỉnh Đồng Nai vào ngày 01 tháng 11 năm 2011. Quá trình chung sống, giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn và kiên quyết được ly hôn với bà Trần Thị N; bà Trần Thị N không đồng ý ly hôn với ông L nhưng không đưa ra được các căn cứ hay hành động cụ thể để chứng minh cho mong muốn được hàn gắn đoàn tụ với ông L. Hơn thế nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập và tiến hành các phiên hòa giải nhưng bà Trần Thị N đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, cho thấy bà N cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông L. Như vậy có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị N là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con: Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo Quỳnh N1, sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Bảo Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2014, sau ly hôn ông yêu cầu tiếp tục giao 02 con chung cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2023, bà N trình bày trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cũng như điều kiện sinh hoạt, học tập của 02 cháu Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T cho bà Trần Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con chung Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T là 2.500.000 đồng/tháng/01 cháu, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2023, bà N trình bày trường hợp Tòa án giải quyết ly

hôn thì bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 người con chung Nguyễn Bảo Quỳnh N1 và Nguyễn Bảo Quỳnh T là 2.500.000 đồng/tháng/01 cháu, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của ông Nguyễn Văn L, không bị ai ép buộc, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về mức cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Văn L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa có cơ sở, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn L được ly hôn bà Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bảo Quỳnh N1, sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Bảo Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2014 cho bà Trần Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên Nguyễn Bảo Quỳnh N1, sinh ngày 18/02/2012 là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng) và cháu Nguyễn Bảo Quỳnh T, sinh ngày 02/10/2014 là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng) cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12.9.2023).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015738 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố I, tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Văn L còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nàng Hương**